

HIỆN TRẠNG CÁC LOÀI CÂY BỊ ĐE DỌA Ở VƯỜN QUỐC GIA HOÀNG LIÊN, TỈNH LÀO CAI

ĐINH MẠNH TUẤN

Ban Quản lý Rừng phòng hộ huyện Sa Pa, Lào Cai

ĐỖ THỊ XUYẾN

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trong nghiên cứu đa dạng thực vật, việc đánh giá các loài có nguy cơ bị tiêu diệt để bảo tồn nguồn gen trong hệ thực vật vùng nghiên cứu là hết sức quan trọng, góp phần định hướng cho chính sách ưu tiên trong công tác bảo tồn. Vườn Quốc gia (VQG) Hoàng Liên-Sa Pa là một trong những khu vực có tính đa dạng thực vật cao ở Việt Nam. Tuy nhiên, sức ép dân số cũng đã gây nên những hậu quả trực tiếp và gián tiếp đến hệ thực vật tại khu vực này. Việc khai thác gỗ trái phép, khai thác gỗ và lâm sản làm nguyên liệu sản xuất, khai thác dược liệu, cây cảnh cộng với việc gây cháy rừng như vụ hỏa hoạn năm 2010 đã làm diện tích cũng như chất lượng rừng cùng các hệ sinh thái rừng bị suy thoái nghiêm trọng. Các tác động đó đã làm cho số loài có nguy cơ bị tiêu diệt ngày càng cao. Trong bài báo này, chúng tôi nêu lên hiện trạng của các loài cây bị đe dọa ở VQG Hoàng Liên-Sa Pa nhằm đặt nền móng cho việc bảo tồn chúng tại VQG được coi là di sản của châu Á này.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các loài thực vật thuộc VQG Hoàng Liên-Sa Pa, đặc biệt quan tâm đến các loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong Danh mục các loài có nguy cơ bị đe dọa của Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN, 2004) và trong Phụ lục của Nghị định số 32 của Chính phủ (30/3/2006) về việc cấm hay hạn chế khai thác sử dụng các loài động vật thực vật hoang dã vì mục đích thương mại.

2. Phương pháp nghiên cứu

Áp dụng phương pháp điều tra thực địa theo tuyến, điều tra theo ô tiêu chuẩn, đặt các điểm quan sát theo dõi trực tiếp về thành phần loài, số lượng loài. Đồng thời áp dụng phương pháp phỏng vấn nhanh với sự tham gia của người dân (PRA) để tìm thông tin về thành phần loài, sự thay đổi theo thời gian, các thông tin thương mại hóa thực vật. Thời gian điều tra được tiến hành trong 2 năm (6/2009-6/2011), mỗi năm 2-3 đợt, mỗi đợt được tiến hành từ 2 tuần đến 3 tuần, nhằm xác định sự phân bố các loài có nguy cơ bị tiêu diệt.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Hiện trạng các loài cây bị đe dọa ở Vườn Quốc gia Hoàng Liên-Sa Pa, tỉnh Lào Cai

Theo Nguyễn Nghĩa Thìn và cộng sự (2008), trong số các loài cây bị đe dọa ở VQG Hoàng Liên-Sa Pa có 96 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (1996), 12 loài ở mức Nguy cấp (EN), 20 loài ở mức Sẽ nguy cấp (VU), 20 loài ở mức Bị đe dọa (T), 30 loài ở mức Hiếm gặp (R) và 6 loài ở mức Không có thông tin đầy đủ (K). Tuy vậy đây sự sắp xếp theo tiêu chuẩn và thứ hạng của Sách Đỏ Việt Nam (1996). Đối chiếu với tiêu chuẩn và thứ hạng của Sách Đỏ Việt Nam (2007) thì có thể bổ sung 4 loài (Ngân đằng, Lát hoa, Trầm hương, Đinh), 2 loài hiện được nhập làm một (Sâm tam thất và Tam thất hoang), 31 loài không còn nằm trong danh sách các loài bị

đe dọa. Như vậy tổng số loài hiện có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) là 68 loài; 23 loài có tên trong IUCN (2004), trong đó có 4 loài ở mức Ít nguy cấp (LR), 3 loài ở mức Nguy cấp (EN), 14 loài ở mức độ Sẽ nguy cấp (VU), 2 loài ở mức chưa có đủ thông tin (DD). Có 7 loài nằm trong Phụ lục của Nghị định số 32/CP-2006 của Chính phủ, nhưng thực chất con số này lên tới 26 loài, trong đó 9 loài ở mục IA: Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại, 17 loài ở mục IIA: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Như vậy theo ghi nhận, số lượng loài thực vật ở VQG Hoàng Liên bị đe dọa hiện biết 84 loài chiếm 3,46% (so với tổng số 2431 loài). So với một số VQG khác như VQG Pù Mát, VQG Bạch Mã, Khu BTTN Na Hang, VQG Cúc Phương, VQG Côn Đảo, VQG Phong Nha -Kẻ Bàng thì con số này là khá lớn. Điều đó chứng tỏ hệ thực vật VQG Hoàng Liên là một trong những địa chỉ quan trọng cho công tác bảo tồn. VQG này có đỉnh Phan Si Păng cao nhất Đông Dương, có những đặc điểm tự nhiên nơi khác không có, có nhiều loài đặc hữu duy nhất chỉ có ở đây. Trong quá trình điều tra thực địa tại VQG Hoàng Liên, chúng tôi đã không tìm lại được một số loài đã được ghi nhận là bị đe dọa tại VQG này, một số chỉ tìm thấy một vài cá thể. Chi tiết được chỉ ra ở Bảng 1.

Bảng 1

Danh sách các loài cây bị đe dọa ở VQG Hoàng Liên

TT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Họ	Tình trạng	Ghi chú phân bố
1.	Thích quả đỏ	<i>Acer erythranthum</i> Gagnep.	Aceraceae	IUCN/LR	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao 700-1700 m.
2.	Tô hạp trung hoa	<i>Altingia chinensis</i> (Benth.) Oliv. ex Hance	Altingiaceae	SĐ/EN	Hiếm gặp, trên 2400 m
3.	Huyết thùng Việt Nam	<i>Cyathostemma vietnamense</i> Ban	Annonaceae	SĐ/EN	Chưa gặp
4.	Nhoc tráo khớp lá mác	<i>Enicosanthellum petelotii</i> (Merr.) Ban	Annonaceae	SĐ/EN	Hiếm gặp, ở độ cao thấp- (San Sả Hồ)
5.	Nhoc trái khớp lá thon	<i>Enicosanthellum plagioneurum</i> (Diels) Ban	Annonaceae	SĐ/VU	Hiếm gặp, ở độ cao thấp
6.	Ba gác vòng	<i>Rauwolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Apocynaceae	SĐ/VU	Ở độ cao thấp, nhiều
7.	Ngũ gia bì gai	<i>Acanthopanax trifoliatum</i> (L.) Merr	Araliaceae	SĐ/EN	Hiếm gặp, ở độ cao thấp
8.	Sâm vũ diệp, Tam thất hoang	<i>Panax bipinnatifidum</i> Seem.	Araliaceae	SĐ/CR; NĐ32/IIA	Hiếm gặp, ở trên 2000 m
9.	Chân chim sa pa, Đáng sapa	<i>Scheffera chapana</i> Harms	Araliaceae	IUCN/VU	Chưa gặp
10.	Thông thảo	<i>Tetrapanax papyriferum</i> (Hook.) C. Koch.	Araliaceae	SĐ/EN	Chưa gặp
11.	Té hoa balansae	<i>Asarum balansae</i> Franch	Aristolochiaceae	SĐ/EN; NĐ32/IIA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 1400 m
12.	Biển hoa cánh có đuôi	<i>Asarum caudigerum</i> Hance	Aristolochiaceae	SĐ/VU; NĐ32/IIA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 1400 m
13.	Hoa tiên	<i>Asarum glabrum</i> Merr.	Aristolochiaceae	SĐ/VU; NĐ32/IIA	Hiếm gặp, ở độ cao thấp
14.	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i> Schneid.	Berberidaceae	SĐ/EN; NĐ32/IA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 1400 m

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Họ	Tình trạng	Ghi chú phân bố
15.	Hoàng mộc	<i>Berberis wallichiana</i> DC.	Berberidaceae	SĐ/EN; NĐ32/IA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 1400 m
16.	Hoàng liên ô rô, Mã hồ	<i>Mahonia nepalensis</i> DC.	Berberidaceae	SĐ/EN	Hiếm gặp, ở độ cao 700-2400 m
17.	Bát giác liên	<i>Podophyllum tonkinense</i> Gagnep.	Berberidaceae	SĐ/EN	Hiếm gặp, ở độ cao 700-2400 m
18.	Đình	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem. ex Schum var. <i>kerrii</i> Sprague	Bignoniaceae	SĐ/VU; NĐ32/IA	Thỉnh thoảng gặp, cây to ở các đỉnh núi cao, xa
19.	Chuông đài	<i>Bretschneidera sinensis</i> Hemsl.	Bretschneideraceae	SĐ/CR; IUCN/EN	Chưa gặp
20.	Đảng sâm	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.	Campanulaceae	SĐ/VU; NĐ32/IA	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao 700-1700 m
21.	Ngân đằng	<i>Codonopsis celebica</i> (Blume) Thuan	Campanulaceae	SĐ/VU	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao 700-1700 m
22.	Hoàng tinh vòng	<i>Polygonatum kingianum</i> Coll. et Hemsl.	Colvallariaceae	SĐ/EN; NĐ32/IA	Chưa gặp
23.	Cát dương thảo	<i>Reineckea carnea</i> (Andr.) Kunth.	Colvallariaceae	SĐ/VU	Chưa gặp
24.	Xà thảo bắc bộ	<i>Ophiopogon tonkinensis</i> Rodr.	Convallariaceae	SĐ/VU	Hiếm gặp, ở độ cao trên 1400 m
25.	Song đính	<i>Diplopanax stachyanthus</i>	Cornaceae	IUCN/VU	Chưa gặp
26.	Thủy bồn thảo	<i>Sedum sarmentosum</i> Bunge	Crassulaceae	SĐ/VU	Chưa gặp
27.	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis</i> Kurz.	Cupressaceae	SĐ/EN; NĐ32/II; IUCN/VU	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao trên 1700 m
28.	Pơ mu	<i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) Henry & Thomas	Cupressaceae	SĐ/EN; IUCN/L; NĐ32/IA	Hiếm gặp, ở độ cao 1400-2600m
29.	Rô đầu nhật	<i>Dipsacus japonicus</i> Miq.	Dipsacaceae	SĐ/EN	Hiếm gặp, ở độ cao 400-2900m
30.	Đen lá rộng	<i>Cleidiocarpon laurinum</i> Airy-Shaw	Euphorbiaceae	SĐ/VU	Chưa gặp
31.	Sồi cánh	<i>Fagus longepetiolata</i> Seemen	Fagaceae	IUCN/ VU	Hiếm gặp, ở độ cao trên 900m
32.	Đại hồi giang, Hồi chè	<i>Illicium ternstroemioides</i> Smith.	Illiciaceae	IUCN/VU	Chưa gặp
33.	Hoa ki nô	<i>Kinostemon ornatum</i> (Hemsl.) Kudo	Lamiaceae	SĐ/CR	Chưa gặp
34.	Sự lông hải nam	<i>Alseodaphne hainanensis</i> Merr.	Lauraceae	IUCN/ VU	Hiếm gặp, ở độ cao thấp
35.	Bộ trái bầu dục	<i>Actinodaphe elliptibacca</i> Kosterm	Lauraceae	SĐ/VU; IUCN/VU	Hiếm gặp, ở độ cao thấp, xã Lao Chải, Sa Pả
36.	Vù/Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i> Lec.	Lauraceae	SĐ/VU; NĐ32/IA	Hiếm gặp, ở độ cao thấp

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Họ	Tình trạng	Ghi chú phân bố
37.	Sụ lá dài, Re trắng quả to	<i>Phoebe macrocarpa</i> C. Y. Wu = <i>P. poilanei</i> Kosterm.	Lauraceae	SĐ/VU	Hiếm gặp, ở độ cao thấp
38.	Bách hợp	<i>Lilium brownii</i> F. E. Br. Ex Mill.	Liliaceae	NĐ32/ IIA	Trên các vách đá, độ cao 700-2900 m
39.	Chùm gửi trung bộ	<i>Helixanthera annamica</i> Dans.	Loranthaceae	SĐ/VU	Hiếm gặp, ở độ cao thấp
40.	Giổi thơm, Áo cộc	<i>Liriodendron chinensis</i> (Hemsl.) Sarger	Magnoliaceae	SĐ/VU; IUCN/LR	Chưa gặp
41.	Giổi lùn, Sứ đồng	<i>Michelia aenea</i> Dandy	Magnoliaceae	IUCN/EN	Hiếm gặp, ở độ cao thấp
42.	Giổi thơm, Giổi lụa	<i>Tsoongiodendron odorum</i> Chun	Magnoliaceae	SĐ/VU	Chưa gặp
43.	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss.	Meliaceae	SĐ/VU	Thỉnh thoảng gặp, dưới 1700 m
44.	Hoàng đằng	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Menispermaceae	NĐ32/IIA	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao 700-1700m
45.	Củ bình vôi, Bình vôi hoa đầu	<i>Stephania cepharantha</i> Hayata	Menispermaceae	SĐ/EN; NĐ32/IIA	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao thấp
46.	Củ dòm	<i>Stephania deilsiana</i> C. Y. Wu	Menispermaceae	SĐ/VU; NĐ32/IIA	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao 700-1700 m
47.	Lõi tiền nhị xê, Bình vôi nhị ngắn	<i>Stephania brachyandra</i> Diels.	Menispermaceae	SĐ/EN; NĐ32/IIA	Hiếm gặp, ở khu Cát Cát, San Sả Hồ
48.	Lá khôì	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Myrsinaceae	SĐ/VU	Thỉnh thoảng gặp. từ 700-2400 m.
49.	Vò diệp liên	<i>Petrosavia sinii</i> (Krause) Gagnep.	Narthericaceae	SĐ/CR	Chưa gặp
50.	Rau sắng	<i>Meliantha suavis</i> Pierre	Opiliaceae	SĐ/VU	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao thấp
51.	Kim tuyến sa pa	<i>Anoectochilus chapaensis</i> Gagnep.	Orchidaceae	SĐ/EN; NĐ32/IA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 2000 m, nhiều xã thuộc VQG
52.	Kim tuyến lông	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Orchidaceae	SĐ/EN; NĐ32/IA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 2000 m
53.	Hoàng thảo đốm tím, Ngũ tinh	<i>Dendrobium wardiarum</i> R. Warner	Orchidaceae	SĐ/VU	Hiếm gặp, ở độ cao trên 2400m
54.	Đại giác	<i>Dendrobium longicornu</i> Lindl.	Orchidaceae	SĐ/EN	Hiếm gặp, ở độ cao trên 2400m
55.	Hoàng thảo hoa vàng, Thạch học	<i>Dendrobium nobile</i> Lindl.	Orchidaceae	SĐ/EN; NĐ32/IIA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 2400m
56.	Lan hải	<i>Paphiopedilum henryanum</i> Braem.	Orchidaceae	NĐ32/IA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 1400m
57.	Thông lùn, Vân sam	<i>Abies delavayi</i> subsp. <i>fansipanensis</i> Farjon & Silba	Pinaceae	SĐ/VU; NĐ32/IA	Quần thể duy nhất của Việt Nam, có ở gần đỉnh Phan Si Păng, trên 2400m, hiếm gặp

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Họ	Tình trạng	Ghi chú phân bố
58.	Thiết sam đông bắc	<i>Tsuga chinensis</i> (Franch.) Pritz. ex Diels = <i>T. dumosa</i> (D. Don) Eichler.	Pinaceae	SĐ/VU	Gần đỉnh Phansipan, hiếm gặp
59.	Chò nước	<i>Plantanus kerrii</i> Gagnep.	Platanaceae	SĐ/VU	Loài đặc hữu của Việt Nam, ở độ cao trên 2400 m, hiếm gặp
60.	Thông tre lá dài	<i>Podocarpus neriifolius</i> D. Don.	Podocarpaceae	IUCN/ DD	Hiếm gặp, ở độ cao trên 1400 m
61.	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Hara.	Polygonaceae	SĐ/VU	Hiếm gặp, ở độ cao 700- 2400m
62.	Nghê 5 thùy, Nghê chân vịt	<i>Polygonum palmatum</i> Dunn.	Polygonaceae	SĐ/EN	Chưa gặp
63.	Anh thảo sa pa, Hoa báo xuân sa pa	<i>Primula chapanensis</i> Gagnep.	Primulaceae	SĐ/VU	Hiếm gặp
64.	Mạ sưa lá to	<i>Helicia grandifolia</i> Lec.	Proteaceae	IUCN/VU	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao thấp
65.	Hoàng liên	<i>Coptis chinensis</i> Franch.	Ranunculaceae	SĐ/CR; NĐ32/IA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 1400m
66.	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i> W. T. Wang	Ranunculaceae	SĐ/CR; NĐ32; NĐ32/IA	Hiếm gặp, ở độ cao trên 1000m, xã Tả Vãn, Bản Hồ
67.	Thỏ hoàng liên	<i>Thalictrum foliolosum</i> DC.	Ranunculaceae	SĐ/VU; NĐ32/IIA	Chưa gặp
68.	Roi tê, Đuôi ngựa	<i>Rhoiptelea chiliantha</i> Diels et Hand.-Marr.	Rhoipteleaceae	SĐ/EN; IUCN/ VU	Quần thể duy nhất của Việt Nam, có ở gần đỉnh Phan Si Păng, trên 2500m, hiếm gặp.
69.	Ái lợi đỏ	<i>Alleizettella rubra</i> Pitard.	Rubiaceae	IUCN/VU	Chưa gặp
70.	Sến mật	<i>Madhuca pasquieri</i> Lamb.	Sapotaceae	SĐ/EN	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao dưới 700-1700 m
71.	Kim cang thanh lịch/nhiều tán	<i>Smilax elegantissima</i> Gagnep.	Smilacaceae	SĐ/VU	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao thấp
72.	Kim cang petelo	<i>Smilax petelotii</i> T. Koyana	Smilacaceae	SĐ/CR	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao thấp
73.	Kim cang poilan	<i>Smilax poilanei</i> Gagnep.	Smilacaceae	SĐ/CR	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao thấp
74.	Cây gia	<i>Craigia yunnanensis</i> W. W. Smith & Evans.	Sterculiaceae	IUCN/ EN	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao thấp
75.	Bồ đề xanh	<i>Alniphyllum eberhardtii</i> Guillaum	Styracaceae	SĐ/EN	Thỉnh thoảng gặp, ở độ cao thấp
76.	Đụn đũa	<i>Rehderodendron macrocarpum</i>	Styracaceae	IUCN/LR	Chưa gặp
77.	Dẻ tùng sọc trắng hẹp	<i>Amentotaxus argotaenia</i> (Hance) Pilger	Taxaceae	IUCN/VU	Hiếm gặp, ở độ cao 2400 m trở lên.

TT	Tên Việt Nam	Tên Latinh	Họ	Tình trạng	Ghi chú phân bố
78.	Thông đỏ nam, Thông đỏ lá dài	<i>Taxus wallichianus</i> Zucc.	Taxaceae	SĐ/VU; IUCN/D; NĐ32/IA	Rất hiếm gặp, còn một vài cá thể ở đỉnh 2900m.
79.	Súm lá lớn	<i>Adinandra megaphylla</i> Hu	Theaceae	SĐ/VU	Hiếm gặp, ở độ cao thấp
80.	Trà hoa vàng	<i>Camellia chrysantha</i> (Hu) Tuyama	Theaceae	IUCN/ VU	Hiếm gặp, ở độ cao thấp, xã San Sả Hồ, Lào Chải
81.	Trà hoa đin-béc	<i>Camellia gilbertii</i> (Chev.) Sealy	Theaceae	SĐ/EN; IUCN/VU	Chưa gặp
82.	Trà hoa trái mỏng	<i>Camellia pleurocarpa</i> (Gagnep.) Sealy	Theaceae	SĐ/EN; IUCN/VU	Chưa gặp
83.	Trầm hương	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Thymeleaceae	SĐ/EN	Gặp nhiều, ở độ cao 700-1700 m
84.	Nữ lang	<i>Valeriana hardvickii</i> Wall.	Valerianaceae	SĐ/VU	Hiếm gặp, ở độ cao thấp, xã San Sả Hồ, Tả Văn

Ghi chú: SĐ: Sách Đỏ Việt Nam (2007); NĐ: Nghị định số 32 của Chính phủ; IUCN: Danh mục các loài có nguy cơ bị đe dọa của Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên quốc tế; IA: Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; IIA: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; Rất nguy cấp (CR); Nguy cấp (EN); Sẽ nguy cấp (VU); Ít nguy cấp (LR); Thiếu dẫn liệu (DD).

2. Hiện trạng thương mại của các loài cây bị đe dọa ở VQG Hoàng Liên-Sa Pa, tỉnh Lào Cai

Trong số các loài cây bị đe dọa tại VQG Hoàng Liên-Sa Pa, có 61 loài hiện đang bị thương mại hóa trên thị trường ở các mức độ khác nhau. Trong nhiều năm qua, do nhiều nguyên nhân khác nhau như nạn phá rừng, khai thác trái phép, hỏa hoạn nên số lượng cá thể của các loài cần được bảo vệ ngày càng bị giảm sút. Một số loài bị khai thác thành sản phẩm được bày bán ngay tại chợ địa phương với những cái tên thương mại như “Mật gấu Sa Pa”, “Lá gan”, “Sâm tam thất” nhưng trong đó là tổ hợp của nhiều loài thực vật như Hoàng đằng, Lá khô. Một số loài bị khai thác để xuất khẩu trái phép sang Trung Quốc.

Các loài hiện đang bị thương mại ở mức độ vùng hay trong nước: Pơ mu, Đinh, Giổi thơm, Vù hương, Chò chỉ, Lá khô, Củ dôm, Thông tre lá ngắn, Hoa tiên, Đẳng Sâm, Kim tuyến sa pa, Kim tuyến lông. Các loài hiện đang bị thương mại hóa để xuất khẩu trái phép: Lát hoa, Tầm hương, Tam thất, Củ bình vôi, Hoàng liên, Thạch斛, Lan hài, Lá khô, Kim tuyến sa pa, Kim tuyến lông, Hoàng đằng.

III. KẾT LUẬN

Hệ thực vật của VQG Hoàng Liên-Sa Pa được ghi nhận có tới 84 loài bị đe dọa xét theo các tiêu chí của Sách Đỏ Việt Nam (2007), IUCN (2004) và Nghị định số 32 của Chính phủ. Trong số đó có tới 20 loài hiện chưa tìm lại được tại khu vực này. Có tới 19 loài bị thương mại hóa trên thị trường trong đó thương mại trong nước có 12 loài, xuất khẩu trái phép có 11 loài. Đề nghị các cấp có thẩm quyền cần có biện pháp cấp bách để ngăn chặn và bảo vệ các loài bị đe dọa tại VQG Hoàng Liên-Sa Pa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ KH&CN, Viện KHCNVN**, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, Phần II-Thực vật, NXB. KHTN&CN, 611 tr.
2. **IUCN**, 2004: Danh mục các loài có nguy cơ bị đe dọa của Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên quốc tế.
3. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2008: Đa dạng sinh học VQG Hoàng Liên, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội
4. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003: Danh lục các loài thực vật ở Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2.
5. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003: Danh lục các loài thực vật ở Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 3.
6. **Nguyễn Tiến Hiệp và cộng sự**, 2005: Thông Việt Nam, nghiên cứu hiện trạng bảo tồn 2004. Fauna & Flora International, Chương trình Việt Nam, Hà Nội.
7. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000: Cây cỏ Việt Nam, NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tập 1-3.
8. **Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường**, 2001: Danh lục các loài thực vật ở Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 1, tr. 999-1191.

STATE OF THE THREATENED PLANTS IN THE HOANG LIEN NATIONAL PARK, LAO CAI PROVINCE

DINH MANH TUAN, DO THI XUYEN

SUMMARY

Base on Red data book Vietnam (2007), appendix of the IUCN-2004 and of the Decree N°32 of Vietnam Government, 84 species in the Hoang Lien National Park have been considered as threatened plants. Among them, there are 68 species named in the Red Data Book Vietnam (2007), 23 species in the IUCN 2004 and 8 species in the Decree N°32 of Vietnam Government. During the investigating field, we found out 63 species, but 21 species have not seen yet in the Hoang Lien National Park. They mainly distributed in high mountains, at altitude 700 m and over; especially some of them are only in obstacle and difficult to reach. This is the reason that destroyable habitat, fire, non rational exploit by human.

Besides, as many as 19 species are commercially marketed, in the domestic trade of 12 species, the illegal export of 11 species. To request the competent authorities should take urgent measures to prevent and protect threatened species in Hoang Lien National Park.